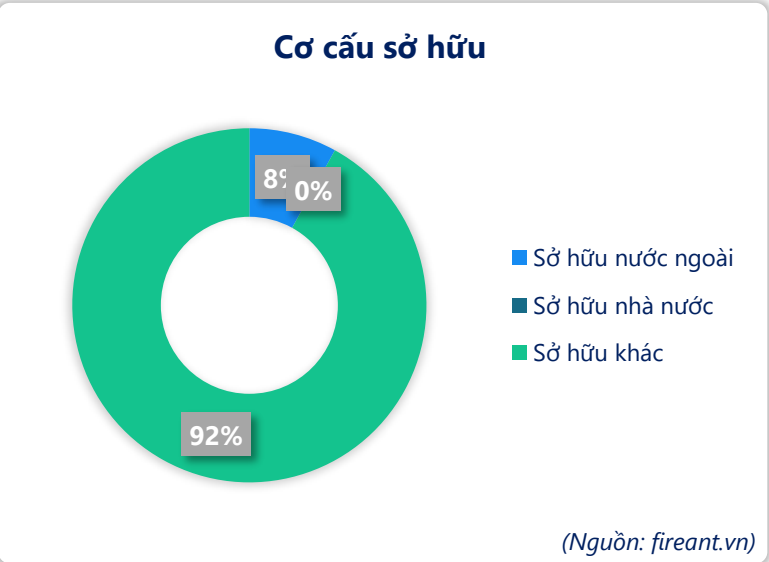
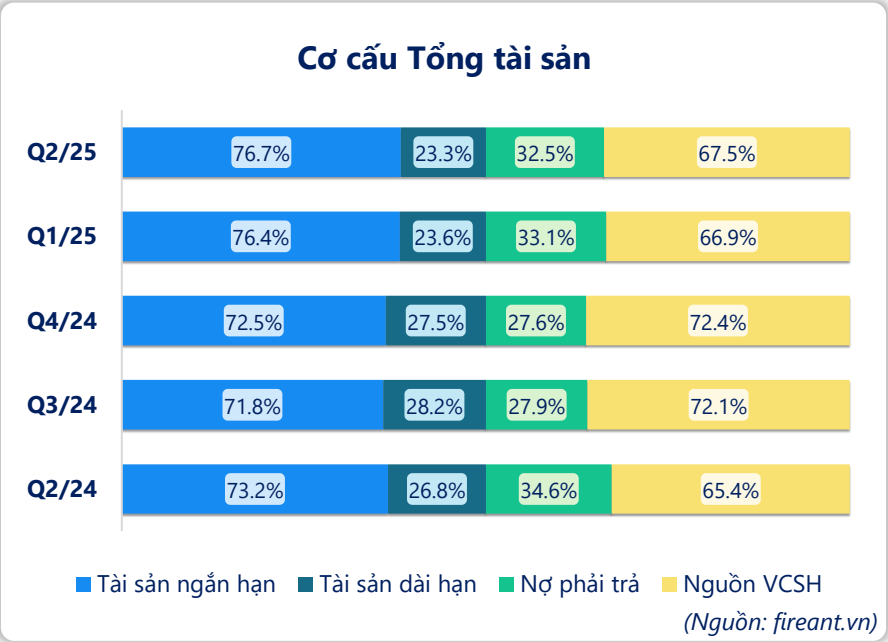
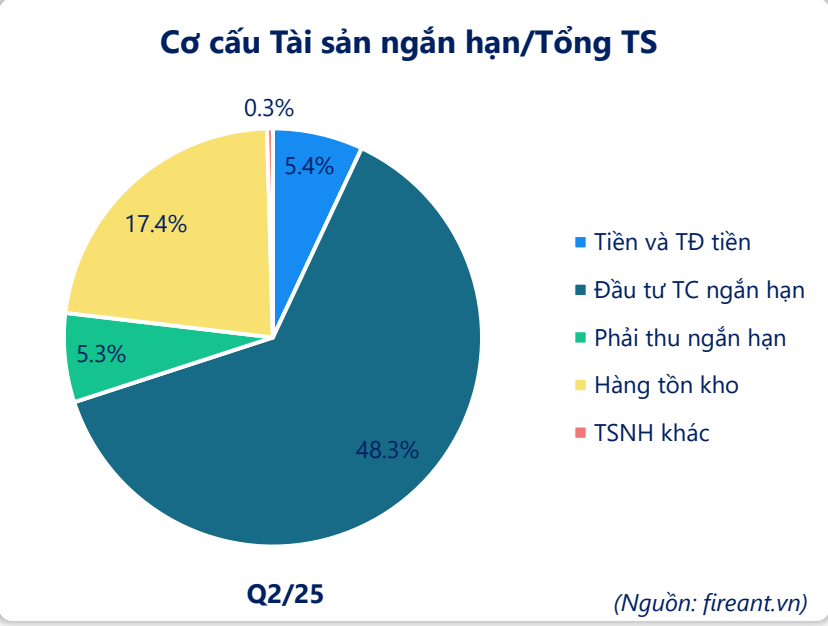
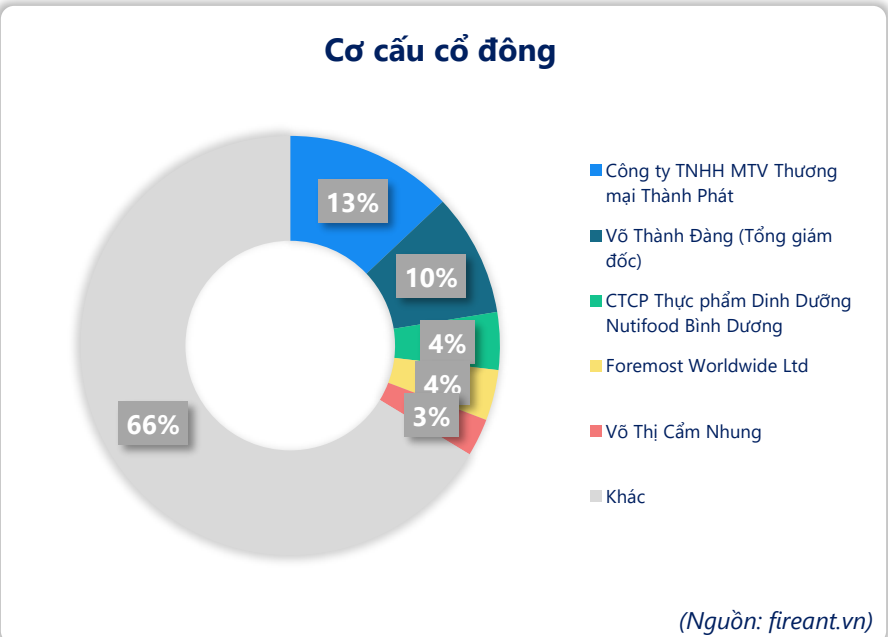
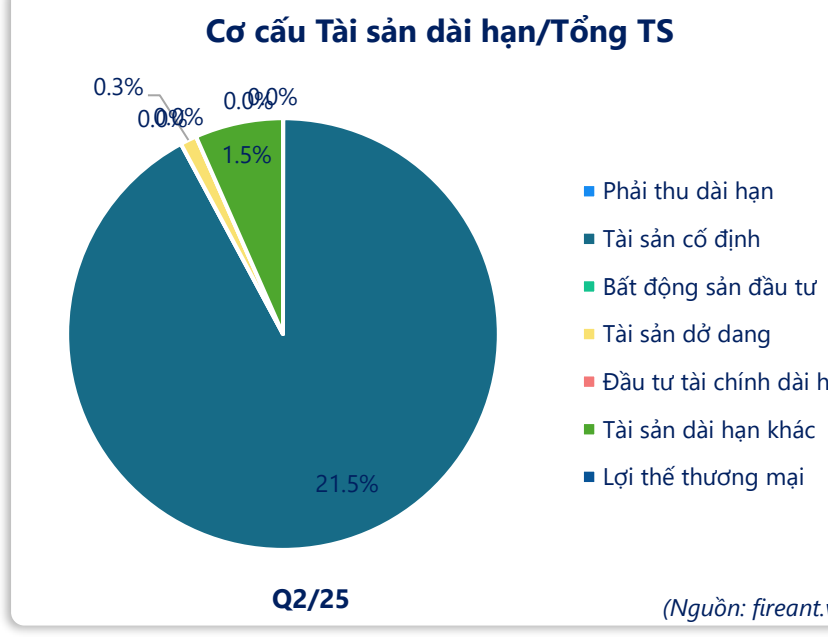
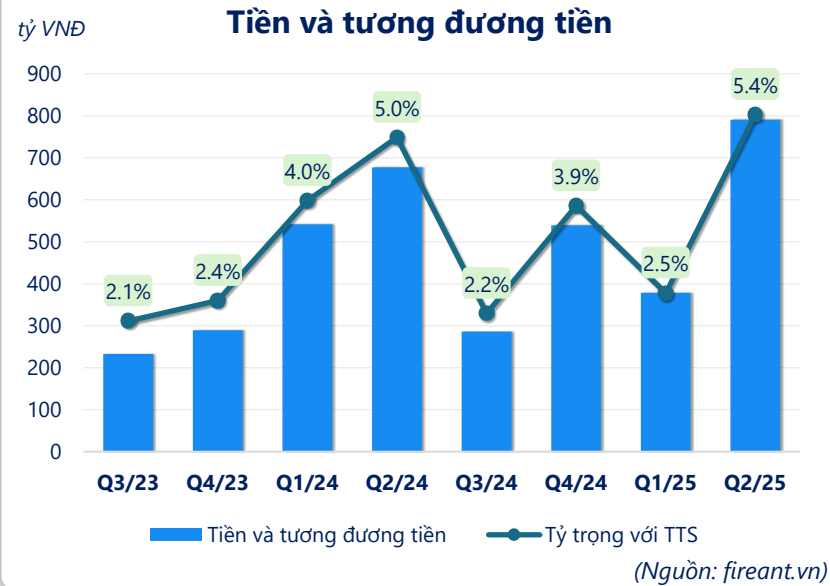
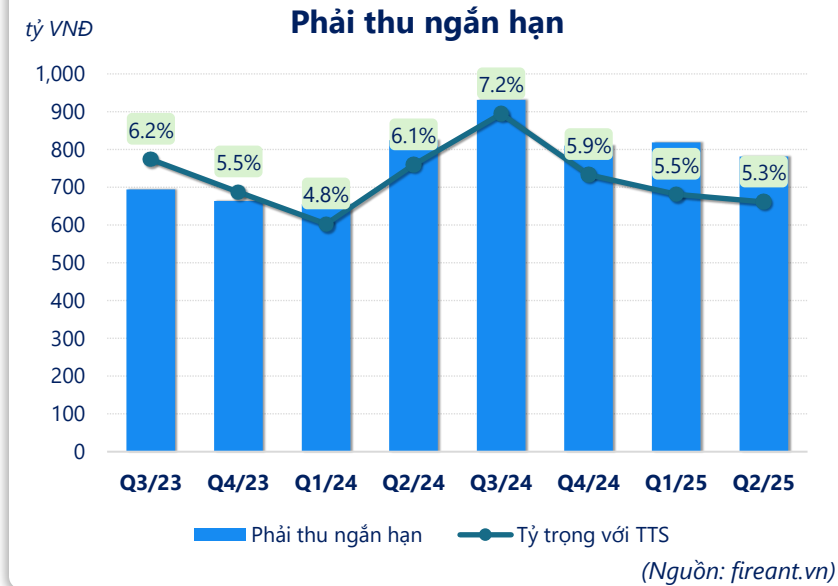
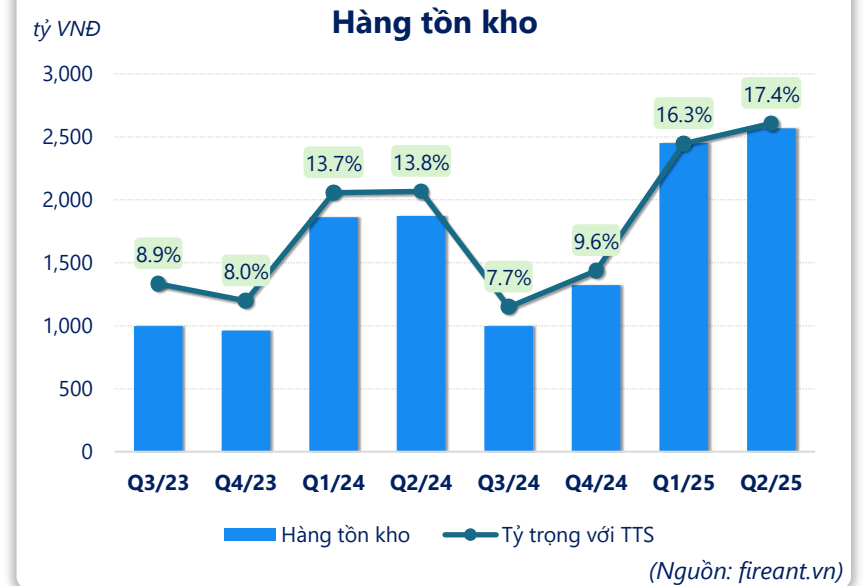
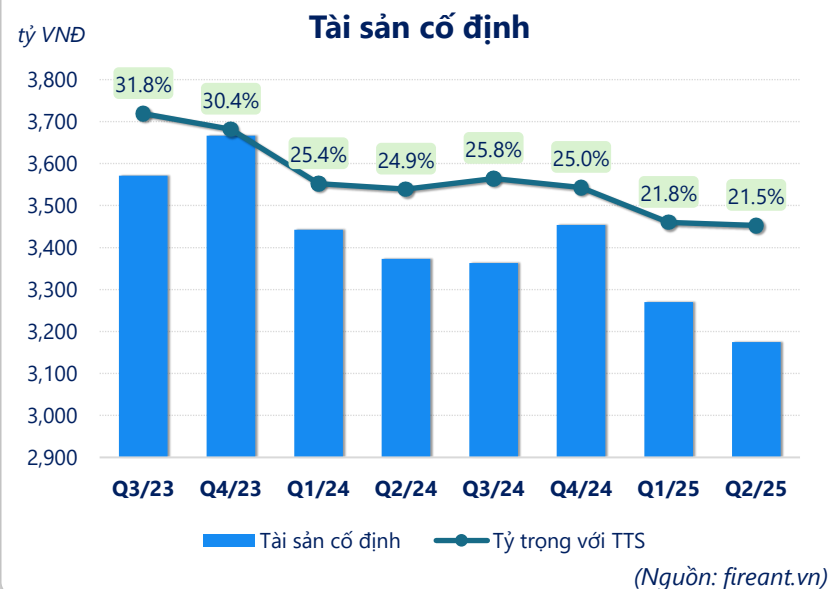
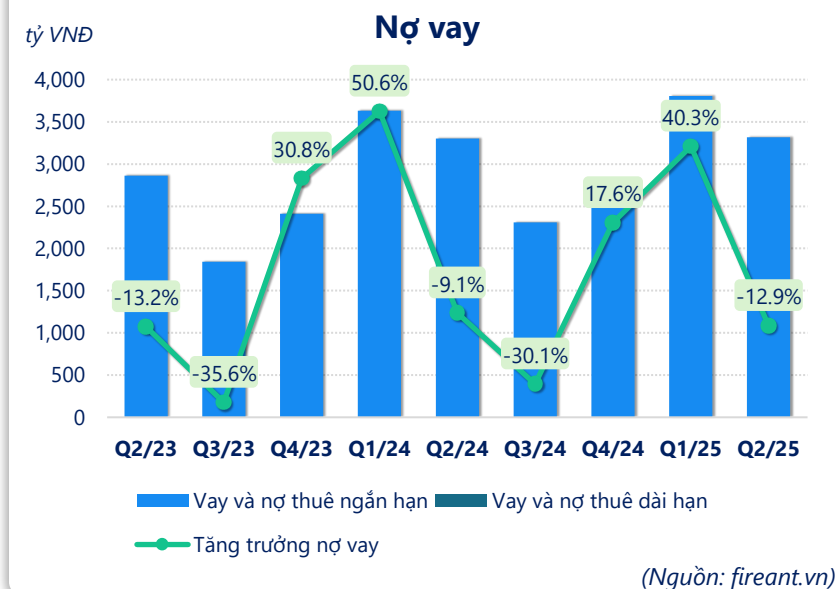
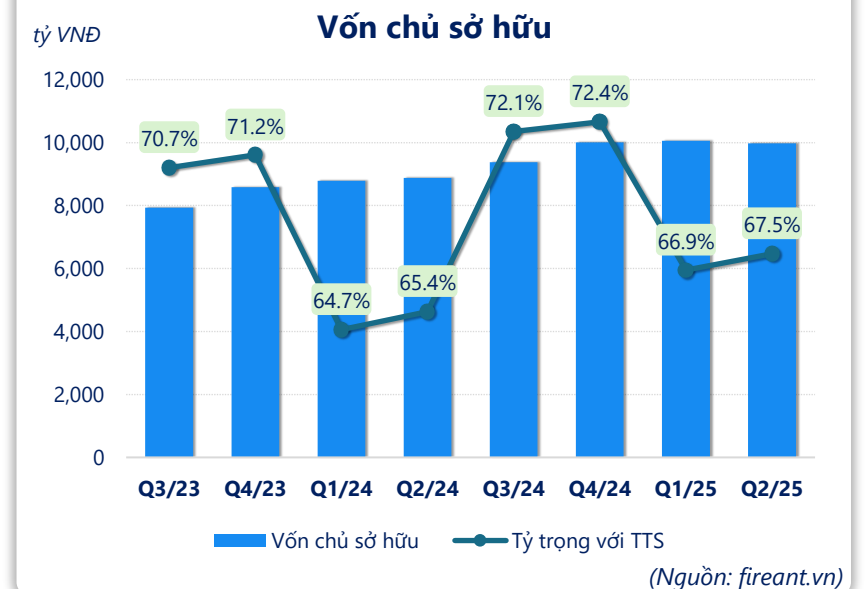
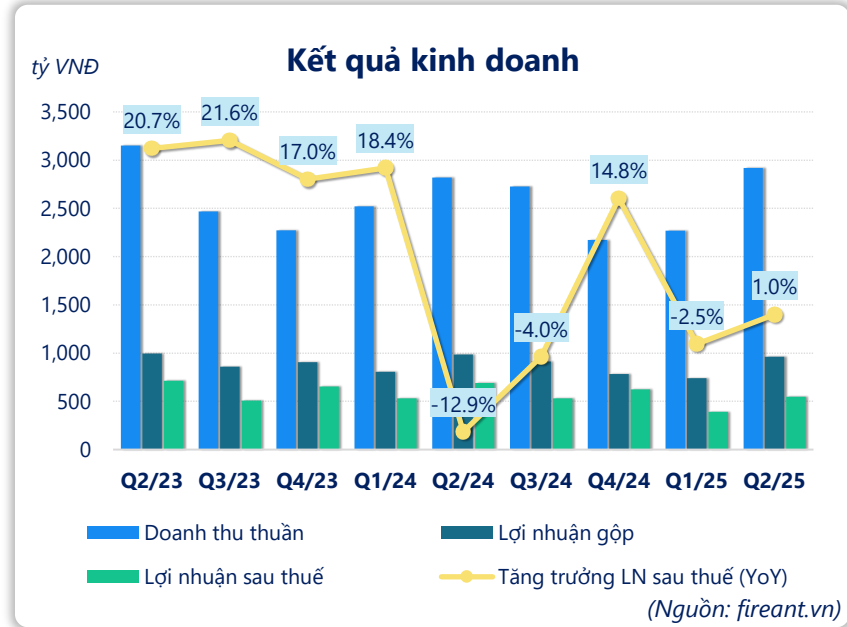
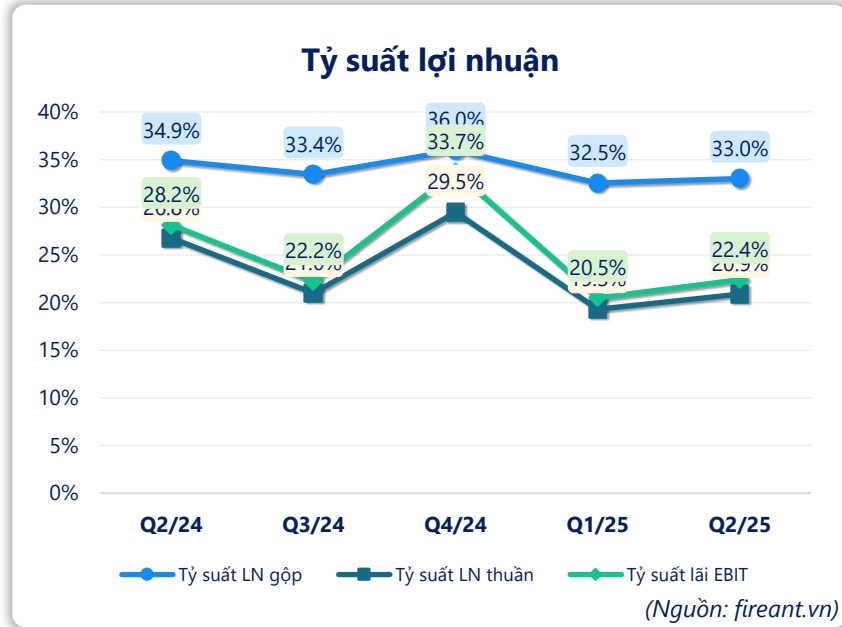
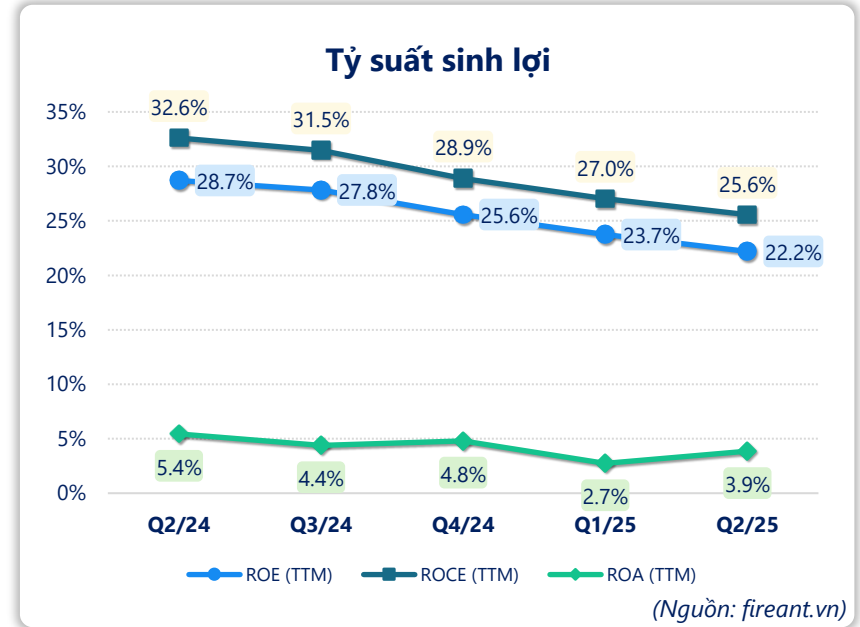
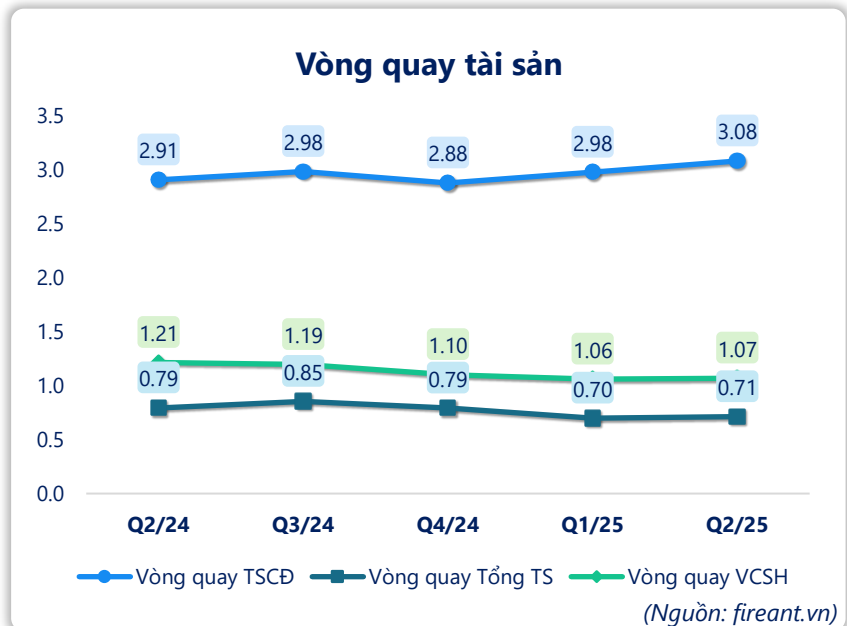
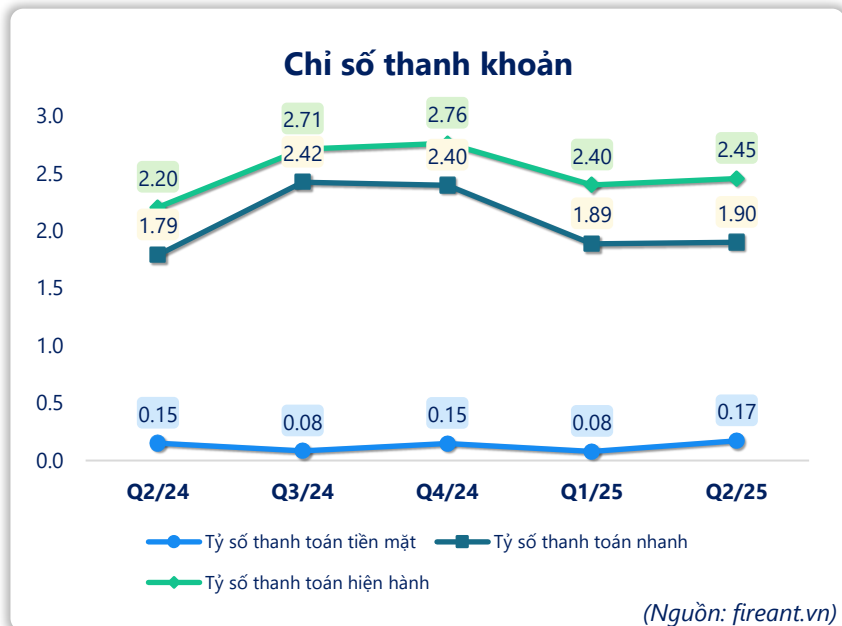
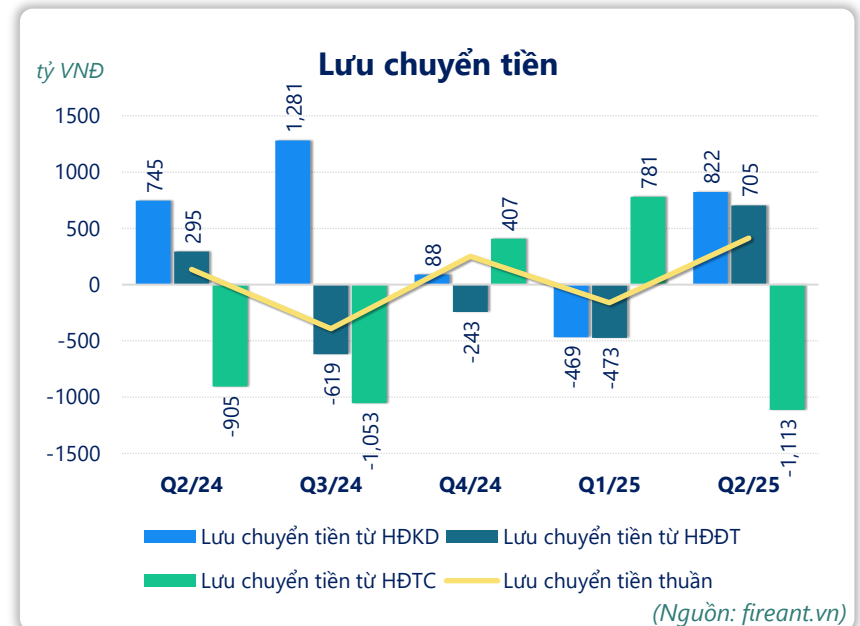


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		47,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		48,414
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		41,377
SL cổ phiếu LH		367,648,153
KLGD BQ 20 phiên (CP)		196,515
% sở hữu nước ngoài		8.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		17,500
P/E		8.4
EPS		5,691

	YTD	1T	3T	6T
QNS	-0.1%	2.1%	6.6%	1.0%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	14,774	13,808	7.0%
Tài sản ngắn hạn	11,328	10,011	13.2%
Tiền và tương đương tiền	791	539	46.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7,137	7,299	-2.2%
Phải thu ngắn hạn	781	810	-3.6%
Hàng tồn kho	2,568	1,323	94.0%
Tài sản ngắn hạn khác	51.4	39.1	31.5%
Tài sản dài hạn	3,446	3,797	-9.3%
Phải thu dài hạn	0.81	0.43	86.1%
Tài sản cố định	3,175	3,452	-8.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	42.7	81.8	-47.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	227	264	-13.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,795	3,807	25.9%
Nợ ngắn hạn	4,615	3,627	27.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,317	2,714	22.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	305	464	-34.2%
Nợ dài hạn	180	180	-0.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	9,979	10,002	-0.2%
Vốn chủ sở hữu	9,979	10,002	-0.2%
Vốn điều lệ	3,676	3,676	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	2,820	2,727	2,174	2,269	2,918
Giá vốn hàng bán	1,836	1,815	1,392	1,531	1,955
Lợi nhuận gộp	984	912	782	739	963
Doanh thu HĐTC	61.7	63.7	69.3	63.6	75.0
Chi phí TC	29.6	20.0	18.7	27.4	34.8
Chi phí lãi vay	28.8	19.7	17.7	27.3	32.7
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	183	312	162	268	313
Chi phí QLDN	77.9	71.1	30.1	68.9	80.4
LN thuần từ HĐKD	755	573	641	438	610
Lợi nhuận khác	9.93	13.8	74.1	-0.19	11.1
LN trước thuế	765	587	715	438	621
Lợi nhuận sau thuế	691	532	623	392	546
LNST của CĐ cty mẹ	691	532	623	392	546

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	745	1,281	88.1	-469	822
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	295	-619	-243	-473	705
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-905	-1,053	407	781	-1,113
Tiền đầu kỳ	541	677	286	539	379
Lưu chuyển tiền thuần	136	-391	252	-161	413
Ảnh hưởng tỷ giá	0.03	-0.03	1.00	0	-0.92
Tiền cuối kỳ	677	286	539	379	791

(Nguồn: fireant.vn)